

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 21-3-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tống Giang Nam

2/ Bà Nguyễn Thị Tiêng Thơ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông K' Chiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo **Trịnh Ngọc B** - Sinh ngày 02 tháng 3 năm 1990; tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Trịnh Ngọc Đ - Sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1958; Vợ: Lê Thị H - sinh năm 1989; Con: có 01 con sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 10/01/2017 bị Toà án nhân dân Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”; Hiện bị cáo đang được tại ngoại “Có mặt”.

2. Bị cáo **Trịnh Ngọc M** - Sinh ngày 24 tháng 4 năm 1985; tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Trịnh Ngọc Đ - Sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1958; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Hiện bị cáo đang được tại ngoại “Có mặt”.

3. Bị cáo **Trương Công T** - Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1998; tại Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Trương Thế D - Sinh năm 1969 và bà Bùi Thị H - sinh

năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Hiện bị cáo đang được tại ngoại “Có mặt”.

* Người bị hại: Anh Vũ Đình V – Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

* Người làm chứng:

1/ Anh Đặng Sỹ V – Sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

2/ Anh Nguyễn M C – Sinh năm: 1997

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

3/ Anh Nguyễn Anh R – Sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

4/ Anh Đào Anh Đ – Sinh năm: 1999

Nơi cư trú: Ấp 3, xã D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”.

5/ Chị Nông Thị Thu T – Sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, TT. M, huyện H, Lâm Đồng. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00’ ngày 16/4/2018, Trịnh Ngọc B, Trịnh Ngọc M và Trương Công T cùng một số người bạn đến quán Hải sản Phúc Phương tại Tổ dân phố A, TT. Đ, huyện Đ để nhậu. Ngồi nhậu được khoảng 30 phút thì có anh Vũ Đình V đang ngồi nhậu ở bàn bên cạnh, tuy không quen biết nhưng anh V vẫn chủ động sang bàn của B để mời bia, khi sang đến bàn của B thì anh V đứng ở vị trí giữa B và T đang ngồi. Quá trình mời bia thì giữa V và B có xảy ra mâu thuẫn do B đã uống hết nhưng V không uống mà còn có thái độ và lời nói thách thức, chửi thề đối với B, T. Do bức tức nên B đã dùng tay phải kéo anh V chúi xuống phía mặt bàn nhậu, tay trái cầm ly uống bia bằng thủy tinh đánh một cái vào vùng trán bên trái của anh V làm anh V bị chảy máu vùng trán và thái dương trái, B tiếp tục dùng tay nắm hai cái vào người anh V nhưng không gây thương tích gì. Trương Công T thấy vậy cũng đứng dậy ra khỏi bàn và đi đến chỗ anh V dùng chân, tay đánh nhiều cái vào vùng mặt, người của anh V, khi đó chị Tô Thị Dung là vợ của anh V vào can ngăn, kéo anh V ra ngoài khu vực giữa quán, khi anh V quay lưng đang đi ra khu vực giữa của quán thì T từ phía sau dùng chân phải đạp một cái vào phía sau lưng anh V làm anh V ngã xuống nền quán. Sau khi anh V ngã xuống thì T tiếp tục có hành vi cầm một ly uống bia bằng thủy tinh ném một cái vào vị trí anh V nhưng không trúng người, chiếc ly vỡ thành nhiều mảnh trên nền quán. Trịnh Ngọc M thấy B và T đánh anh V nên cũng đuổi theo dùng chân, tay đánh anh V, sau đó M nhặt một mảnh vỡ của ly bia thủy tinh đánh một cái vào vùng mặt bên trái của anh V khiến anh V bị thương tích chảy

máu ở vùng má và cằm bên trái. Vợ anh V là chị Dung tiếp tục vào can ngăn và đưa anh V đi ra ngoài đường. M thấy vậy tiếp tục đuổi theo để đánh nhưng ra đến quán thì thấy anh V đã chạy xa nên dừng lại, còn B, T cũng tiếp tục đuổi theo ra đến ngoài đường để đánh nhưng thấy anh V van xin nên các đối tượng cũng dừng lại. Tại Cơ quan điều tra B, M và T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 151/2018/TgT ngày 05/6/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Vũ Đình V do hành vi của B gây ra là 10 %, tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh V do hành vi của M gây ra là 6 %, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh V do B và M gây ra là 15 %, (*Mười lăm phần trăm*) tính theo nguyên tắc cộng lùi.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSĐT-TA ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Trịnh Ngọc B, Trịnh Ngọc M và bị cáo Trương Công T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc B từ 24 (*hai mươi bốn*) tháng đến 30 (*ba mươi*) tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc M từ 15 (*mười lăm*) tháng đến 18 (*mười tám*) tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Công T từ 12 (*mười hai*) tháng đến 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (*hai mươi bốn*) đến 30 (*ba mươi*) tháng.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo B và M đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

* Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy những vật chứng trong vụ án không còn giá trị.

Tại phiên tòa các bị cáo B, M và bị cáo T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo B, M và bị cáo T đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Vào khoảng 20 giờ 00' ngày 16/4/2018 các bị cáo B, M và bị cáo T cùng một số người bạn đang ngồi nhậu tại quán. Khi đang nhậu thì có anh Vũ Đình V ở bàn bên cạnh sang mời bia, trong lúc mời thì anh V có mâu thuẫn với bị cáo B và bị cáo T. Bị cáo B đã dùng ly thủy tinh đánh một cái vào vùng trán trái và dùng tay không đánh hai cái vào người anh V gây thương tích cho anh V 10 %; bị cáo T dùng tay, chân đánh anh V nhiều cái, dùng ly thủy tinh ném vào người anh V nhưng không trúng; còn bị cáo M dùng chân, tay đánh anh V, sau đó dùng mảnh vỡ của ly thủy tinh đánh một cái vào vùng mặt bên trái của anh V gây thương tích cho anh V 6 %. Anh V bị đánh gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15 %, (*Mười lăm phần trăm*) tính theo nguyên tắc cộng lùi. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo B, M và bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét hành vi của các bị cáo B, M và bị cáo T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn, xích mích nhỏ mà các bị cáo đã không làm chủ được hành vi của mình, gây thương tích cho anh Vũ Đình V. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ ở mức độ giản đơn, xét vai trò và trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với bị cáo Trịnh Ngọc B: Bị cáo B biết rõ hành vi dùng hung khí là ly thủy tinh và tay đánh gây thương tích cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do bức xúc về thái độ, lời nói của anh V nên bị cáo B đã dùng tay phải kéo anh V chúi xuống phía mặt bàn, dùng ly thủy tinh đánh một cái vào vùng trán trái và dùng tay đánh hai cái vào người anh V, hành vi của bị cáo đã gây thương tích cho anh V 10 %. Bản thân bị cáo B đã có 01 tiền án: Vào ngày 10/01/2017 bị cáo đã bị xử phạt 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà chỉ vì mâu thuẫn, xích mích nhỏ mà bị cáo đã gây thương tích cho anh Vũ Đình V, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo B.

Đối với bị cáo Trịnh Ngọc M: Bị cáo M cũng biết rõ hành vi dùng ly thủy tinh, chân và tay đánh gây thương tích cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do bức xúc về thái độ, lời nói của anh V nên khi thấy bị cáo B là em ruột của bị cáo và bị cáo T đánh anh V, bị cáo M không nhưng không can ngăn mà bị cáo còn

đuổi theo dùng chân, tay đánh anh V, sau đó bị cáo M dùng mảnh vỡ của ly thủy tinh đánh một cái vào vùng mặt bên trái của anh V khiến anh V bị thương tích. Lúc anh V được can ngăn, bị cáo M tiếp tục đuổi theo đánh nhưng thấy anh V đã chạy xa nên bị cáo mới dừng lại, hành vi của bị cáo M đã gây thương tích cho anh V 6 %.

Do đó cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo B và bị cáo M tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra, cần cách ly các bị cáo B, M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo vì: Bị cáo B và bị cáo M đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trương Công T: Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cũng biết rõ hành vi dùng chân, tay đánh gây thương tích cho người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do bức xúc về thái độ, lời nói của anh V và khi nhìn thấy bị cáo B đánh anh V thì bị cáo T dùng chân phải từ phía sau đạp một cái vào phía sau lưng anh V làm anh V ngã xuống nền quán. Sau khi anh V ngã xuống thì bị cáo T tiếp tục dùng ly thủy tinh ném vào vị trí anh V nhưng không trúng người, làm chiếc ly vỡ thành nhiều mảnh. Khi thấy anh V được can ngăn thì bị cáo T không những không dừng lại mà tiếp tục đuổi đánh anh V, đến khi thấy anh V van xin thì bị cáo T mới dừng lại. Xét thấy, mục đích của bị cáo T là cố ý dùng ly thủy tinh ném, dùng chân đạp gây thương tích cho anh V. Việc hành vi của bị cáo không gây thương tích cho anh V là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, ngoài việc bị cáo T phải chịu hậu quả do mình gây ra thì bị cáo còn phải chịu trách nhiệm chung hậu quả do các bị cáo B và M cùng gây ra. Vì vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo T đã gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T một phần vì: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích mà vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Ngoài ra, xét thấy nguyên nhân xảy ra vụ án này cũng có một phần lỗi của người bị hại, trong quá trình điều tra người bị hại là anh Vũ Đình V đã có đơn yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự đối với các bị cáo B, M và bị cáo T. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng đối với các bị cáo B, M và bị cáo T.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trịnh Ngọc B, Trịnh Ngọc M đã cùng nhau thỏa thuận bồi thường cho người bị hại là anh Vũ Đình V với tổng số tiền là

20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), anh V không yêu cầu bồi thường gì thêm là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

+ 02 (*hai*) vỏ chai bia bằng thủy tinh nhãn hiệu Tiger dung tích 330ml có kích thước bằng nhau; cao 23,5cm, đường kính đáy chai 5,5cm, đường kính miệng chai 2,5cm, bên ngoài vỏ chai có dính chất dịch màu nâu đỏ đã khô.

+ 05 (*năm*) mảnh vỡ của chén sành màu trắng có kích thước khác nhau mảnh lớn nhất dài 10 cm, mảnh nhỏ nhất dài 3 cm.

+ 03 (*ba*) mảnh vỡ bằng thủy tinh của vỏ chai bia Tiger có kích thước khác nhau. Mảnh thứ nhất là phần vỏ đáy chai, mảnh thứ 2 là phần cổ chai, mảnh thứ 3 có kích thước 6cm x 5cm.

+ 06 (*sáu*) mảnh vỡ của ly thủy tinh, loại ly có quai kích thước to nhỏ khác nhau, mảnh lớn nhất dài 11,5cm, mảnh nhỏ nhất dài 5cm.

Xét thấy các vật chứng trên không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo B, M và bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trịnh Ngọc B, Trịnh Ngọc M và bị cáo Trương Công T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc B 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc M 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Công T 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 02 (hai) vỏ chai bia bằng thủy tinh nhãn hiệu Tiger dung tích 330ml có kích thước bằng nhau; cao 23,5cm, đường kính đáy chai 5,5cm, đường kính miệng chai 2,5cm, bên ngoài vỏ chai có dính chất dịch màu nâu đỏ đã khô.

+ 05 (năm) mảnh vỡ của chén sành màu trắng có kích thước khác nhau mảnh lớn nhất dài 10 cm, mảnh nhỏ nhất dài 3 cm.

+ 03 (ba) mảnh vỡ bằng thủy tinh của vỏ chai bia Tiger có kích thước khác nhau. Mảnh thứ nhất là phần vỏ đáy chai, mảnh thứ 2 là phần cổ chai, mảnh thứ 3 có kích thước 6cm x 5cm.

+ 06 (sáu) mảnh vỡ của ly thủy tinh, loại ly có quai kích thước to nhỏ khác nhau, mảnh lớn nhất dài 11,5cm, mảnh nhỏ nhất dài 5cm.

Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/02/2019.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trịnh Ngọc B, Trịnh Ngọc M và bị cáo Trương Công T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Văn Hùng